

Số : 1211/QĐ-ĐHKTL-ĐT      Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân  
cho sinh viên các khóa – hệ đại học chính quy

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT**

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật trên cơ sở Khoa Kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20/04/2017 của Giám đốc ĐHQG TP.HCM về việc ban hành Quy chế Đào tạo đại học;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-ĐHKTL ngày 09/08/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Xét đề nghị của thường trực Hội đồng xét tốt nghiệp sinh viên hệ đại học chính quy họp ngày 23/12/2020,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân cho 134 sinh viên các khóa hệ đại học chính quy, gồm có:

| Stt | Ngành đào tạo         | Số lượng |
|-----|-----------------------|----------|
| 1   | Kinh tế               | 12       |
| 2   | Kinh tế quốc tế       | 07       |
| 3   | Quản trị kinh doanh   | 11       |
| 4   | Marketing             | 08       |
| 5   | Kinh doanh quốc tế    | 10       |
| 6   | Thương mại điện tử    | 02       |
| 7   | Tài chính - Ngân hàng | 22       |
| 8   | Kế toán               | 08       |
| 9   | Kiểm toán             | 09       |



*Chữ ký*

|    |                            |    |
|----|----------------------------|----|
| 10 | Hệ thống thông tin quản lý | 06 |
| 11 | Luật                       | 16 |
| 12 | Luật Kinh tế               | 23 |

(danh sách đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Khoa/Bộ môn, đơn vị có liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.Đào tạo.



**Nguyễn Tiến Dũng**



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

(Đính kèm theo quyết định số 1211/QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày 25/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

**Ngành tốt nghiệp: KINH TẾ**

| STT | MSSV       | Họ và tên               | Phái | Ngày sinh  | SBD       | Nơi sinh        | KV  | ĐT | ĐTB  | Xếp loại       | Lớp     | Ngành tốt nghiệp, |
|-----|------------|-------------------------|------|------------|-----------|-----------------|-----|----|------|----------------|---------|-------------------|
| 1   | K154010014 | NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ      | Nữ   | 23/11/1997 | SPK003092 | Đồng Nai        | 2NT |    | 7.62 | Khá            | K15401  | Kinh tế           |
| 2   | K154010016 | LÊ THỊ HẠNH             | Nữ   | 10/10/1997 | HDT007507 | Thanh Hóa       | 2NT | 00 | 8.17 | Giỏi           | K15401  | Kinh tế           |
| 3   | K164010018 | NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN     | Nữ   | 02/03/1998 | TTN003838 | Đắk Lắk         | 1   |    | 8.00 | Giỏi           | K16401T | Kinh tế           |
| 4   | K164012058 | ĐOÀN THỊ MỸ DIỆU        | Nữ   | 01/10/1998 | DDK001242 | Quảng Nam       | 1   |    | 7.07 | Khá            | K16401  | Kinh tế           |
| 5   | K164012071 | ĐINH THỊ TRÀ MY         | Nữ   | 08/11/1998 | SGD005306 | Long An         | 2NT |    | 8.41 | Giỏi           | K16401T | Kinh tế           |
| 6   | K164012079 | BÔ NAM TÀI              | Nam  | 24/07/1998 | QSK006090 | Bình Dương      | 2NT | 00 | 6.62 | Trung bình khá | K16401  | Kinh tế           |
| 7   | K164012085 | NGUYỄN TRẦN THANH TRÚC  | Nữ   | 01/04/1997 | QXS012015 | Bến Tre         | 2NT |    | 7.42 | Khá            | K16401  | Kinh tế           |
| 8   | K154030266 | HÙNG THỊ Ý NHƯ          | Nữ   | 18/06/1997 | TDL010391 | Ninh Thuận      | 1   | 00 | 7.45 | Khá            | K15403  | Kinh tế           |
| 9   | K164030391 | NGUYỄN THỊ TRANG THƯƠNG | Nữ   | 26/12/1998 | DTT008760 | Bắc Ninh        | 2   |    | 6.68 | Trung bình khá | K16403  | Kinh tế           |
| 10  | K164030422 | LÝ CÔNG THÀNH           | Nam  | 29/05/1998 | TAG009552 | An Giang        | 2   |    | 8.15 | Giỏi           | K16403C | Kinh tế           |
| 11  | K164030423 | VÕ TRẦN NGỌC THẢO       | Nữ   | 18/10/1998 | TTG008387 | Tiền Giang      | 2   |    | 7.15 | Khá            | K16403C | Kinh tế           |
| 12  | K164032145 | NGUYỄN TRƯƠNG MỸ QUỲNH  | Nữ   | 24/03/1998 | SPS012289 | TP. Hồ Chí Minh | 3   |    | 7.32 | Khá            | K16403C | Kinh tế           |

Tổng cộng: 12

HIỆU TRƯỞNG  
  
Nguyễn Tiến Dũng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

(Đính kèm theo quyết định số 1211/QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày 25/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

**Ngành tốt nghiệp: KINH TẾ QUỐC TẾ**

| STT | MSSV       | Họ và tên             | Phái | Ngày sinh  | SBD       | Nơi sinh        | KV | ĐT | ĐTB  | Xếp loại       | Lớp     | Ngành tốt nghiệp |
|-----|------------|-----------------------|------|------------|-----------|-----------------|----|----|------|----------------|---------|------------------|
| 1   | K124020129 | NGUYỄN THỊ THỤC ANH   | Nữ   | 02/07/1994 | 00086     | Quảng Ninh      |    |    | 7.11 | Khá            | K12402A | Kinh tế quốc tế  |
| 2   | K164020134 | LƯƠNG KHẢI HOÀNG      | Nam  | 07/01/1998 | KSA002576 | Bình Dương      | 1  |    | 7.40 | Khá            | K16402  | Kinh tế quốc tế  |
| 3   | K164020138 | NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN | Nữ   | 13/07/1997 | DB000022  | Bình Thuận      |    | 00 | 6.91 | Trung bình khá | K16402  | Kinh tế quốc tế  |
| 4   | K164020248 | TRẦN MINH TRÚC        | Nữ   | 20/04/1997 | DB000024  | Đồng Nai        |    |    | 6.68 | Trung bình khá | K16402  | Kinh tế quốc tế  |
| 5   | K164022095 | NGUYỄN THỊ HÀ         | Nữ   | 21/12/1998 | TTN003154 | Đắk Lắk         | 1  |    | 7.23 | Khá            | K16402  | Kinh tế quốc tế  |
| 6   | K164020274 | HUỖNH TRỊNH VÂN ANH   | Nữ   | 26/03/1998 | DDS000073 | Quảng Ngãi      | 2  |    | 7.26 | Khá            | K16402C | Kinh tế quốc tế  |
| 7   | K164020306 | ĐỖ NGUYỄN HỒNG NHI    | Nữ   | 12/07/1998 | QSK004722 | TP. Hồ Chí Minh | 2  | 00 | 7.25 | Khá            | K16402C | Kinh tế quốc tế  |

Tổng cộng: 7 *Chu*



**Nguyễn Tiến Dũng**



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

(Đính kèm theo quyết định số 1211/QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày 25/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

**Ngành tốt nghiệp: QUẢN TRỊ KINH DOANH**

| STT | MSSV       | Họ và tên            | Phái | Ngày sinh  | SBD         | Nơi sinh   | KV  | ĐT | ĐTB  | Xếp loại       | Lớp     | Ngành tốt nghiệp    |
|-----|------------|----------------------|------|------------|-------------|------------|-----|----|------|----------------|---------|---------------------|
| 1   | K114071202 | NGUYỄN THỊ THẢO UYÊN | Nữ   | 10/10/1993 | QSKD1.08395 | Lâm Đồng   | 1   | 00 | 7.30 | Khá            | K11407A | Quản trị kinh doanh |
| 2   | K134070856 | NGUYỄN HOÀNG OANH    | Nữ   | 06/03/1995 | QSKD1.07903 | Đồng Nai   | 2   |    | 7.63 | Khá            | K13407  | Quản trị kinh doanh |
| 3   | K134070929 | NGUYỄN THỊ THU XUÂN  | Nữ   | 28/11/1995 | QSKA.03035  | Đồng Tháp  | 2   |    | 7.69 | Khá            | K13407  | Quản trị kinh doanh |
| 4   | K144070912 | NGÔ ĐÌNH LUÂN        | Nam  | 27/11/1996 | 987         | Thanh Hóa  | 2NT | 00 | 6.20 | Trung bình khá | K14407  | Quản trị kinh doanh |
| 5   | K144070914 | NGUYỄN VĂN LY        | Nam  | 12/05/1996 | 2551        | Phú Yên    | 2NT | 00 | 7.53 | Khá            | K14407  | Quản trị kinh doanh |
| 6   | K154070634 | VŨ AN HÒA            | Nam  | 22/05/1996 | QGS006280   | Đồng Nai   | 2   | 00 | 6.64 | Trung bình khá | K15407  | Quản trị kinh doanh |
| 7   | K164070911 | TRẦN THỊ YÊN NHI     | Nữ   | 20/04/1998 | HUI008017   | Đồng Nai   | 2   | 00 | 7.14 | Khá            | K16407  | Quản trị kinh doanh |
| 8   | K164072293 | NGUYỄN VĂN BÂN       | Nam  | 20/01/1998 | TDL000637   | Lâm Đồng   | 1   |    | 7.00 | Khá            | K16407  | Quản trị kinh doanh |
| 9   | K164072315 | VŨ THỊ NGỌC MỸ       | Nữ   | 22/08/1997 | DDS004379   | Quảng Ngãi | 2NT |    | 7.59 | Khá            | K16407  | Quản trị kinh doanh |
| 10  | K164072336 | NGUYỄN THỊ THU THỦY  | Nữ   | 11/11/1997 | DQN010380   | Bình Định  | 1   |    | 7.82 | Khá            | K16407  | Quản trị kinh doanh |
| 11  | K164072350 | VŨ THỊ NGỌC CHÂU     | Nữ   | 15/02/1998 | KSA000557   | Bình Phước | 1   |    | 6.97 | Trung bình khá | K16407C | Quản trị kinh doanh |

Tổng cộng: 11 *chữ*

**HIỆU TRƯỞNG**  


**Nguyễn Tiên Dũng**

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

(Đính kèm theo quyết định số 1211/QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày 25/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

**Ngành tốt nghiệp: MARKETING**

| STT | MSSV       | Họ và tên            | Phái | Ngày sinh  | SBD       | Nơi sinh        | KV  | ĐT | ĐTB  | Xếp loại       | Lớp    | Ngành tốt nghiệp |
|-----|------------|----------------------|------|------------|-----------|-----------------|-----|----|------|----------------|--------|------------------|
| 1   | K154100989 | NGUYỄN HOÀNG DŨNG    | Nam  | 27/05/1997 | DCT001715 | TP. Hồ Chí Minh | 2NT | 00 | 7.55 | Khá            | K15410 | Marketing        |
| 2   | K154101020 | NGUYỄN NGỌC UYÊN NHI | Nữ   | 28/04/1997 | TSN010954 | Khánh Hòa       | 1   |    | 6.67 | Trung bình khá | K15410 | Marketing        |
| 3   | K154101022 | LÊ ĐỖ TRÚC PHƯƠNG    | Nữ   | 25/11/1997 | TCT014974 | Vĩnh Long       | 2   |    | 7.21 | Khá            | K15410 | Marketing        |
| 4   | K154101028 | ĐÀO NGUYỄN YẾN THANH | Nữ   | 07/08/1997 | SPK011645 | Đồng Nai        | 2NT |    | 7.82 | Khá            | K15410 | Marketing        |
| 5   | K164101406 | ĐINH THỊ HỒNG NGUYỆT | Nữ   | 27/02/1998 | HUI007566 | Đồng Nai        | 2   |    | 7.12 | Khá            | K16410 | Marketing        |
| 6   | K164101407 | NGUYỄN THỊ THÚY NHÀN | Nữ   | 08/07/1998 | TTN009291 | Đắk Lắk         | 1   |    | 7.33 | Khá            | K16410 | Marketing        |
| 7   | K164101421 | VY THỊ TÚ QUỲNH      | Nữ   | 02/05/1997 | DB000023  | Lâm đồng        |     |    | 7.03 | Khá            | K16410 | Marketing        |
| 8   | K164102424 | LÊ NGỌC PHƯƠNG       | Nữ   | 14/05/1998 | TKG004227 | Kiên Giang      | 2NT |    | 6.77 | Trung bình khá | K16410 | Marketing        |

Tổng cộng: 8

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
KINH TẾ - LUẬT  
Nguyễn Tiến Dũng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

(Đính kèm theo quyết định số 1211/QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày 25/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

**Ngành tốt nghiệp: KINH DOANH QUỐC TẾ**

| STT | MSSV       | Họ và tên              | Phái | Ngày sinh  | SBD       | Nơi sinh        | KV  | ĐT | ĐTB  | Xếp loại       | Lớp      | Ngành tốt nghiệp   |
|-----|------------|------------------------|------|------------|-----------|-----------------|-----|----|------|----------------|----------|--------------------|
| 1   | K144070944 | TRẦN BẢO NGỌC          | Nữ   | 14/01/1996 | 3460      | Đà Lạt          | 1   | 00 | 8.02 | Giỏi           | K14408C  | Kinh doanh quốc tế |
| 2   | K144081066 | VÕ THỊ THÙY DƯƠNG      | Nữ   | 26/03/1996 | 308       | Gia Lai         | 1   |    | 7.45 | Khá            | K14408   | Kinh doanh quốc tế |
| 3   | K144081125 | VŨ THỊ THIÊN THƠ       | Nữ   | 08/02/1996 | 5751      | Thái Bình       | 2   |    | 7.55 | Khá            | K14408   | Kinh doanh quốc tế |
| 4   | K145011499 | DƯƠNG MINH HOÀNG       | Nam  | 14/11/1996 | 3190      | TP. Hồ Chí Minh | 3   | 00 | 6.61 | Trung bình khá | K14408C  | Kinh doanh quốc tế |
| 5   | K164081018 | HUỖNH NGUYỄN HOÀNG ANH | Nữ   | 11/01/1998 | TDL000175 | Lâm Đồng        | 1   | 00 | 7.42 | Khá            | K16408   | Kinh doanh quốc tế |
| 6   | K164081097 | ĐINH DƯƠNG THIÊN       | Nam  | 23/10/1998 | DQN009865 | Bình Định       | 2NT |    | 7.15 | Khá            | K16408   | Kinh doanh quốc tế |
| 7   | K154080830 | HỒ QUANG ĐẠT           | Nam  | 20/06/1997 | DHU003711 | Quảng Bình      | 2NT |    | 7.19 | Khá            | K15408C  | Kinh doanh quốc tế |
| 8   | K164091229 | PHAN ĐĂNG BẢO          | Nam  | 13/09/1998 | TDL000594 | Lâm Đồng        | 1   |    | 8.05 | Giỏi           | K16408C  | Kinh doanh quốc tế |
| 9   | K164081211 | NGUYỄN YÊN NHI         | Nữ   | 27/03/1998 | TTG006106 | Tiền Giang      | 2   |    | 6.82 | Trung bình khá | K16408CA | Kinh doanh quốc tế |
| 10  | K164082383 | NGUYỄN NGỌC THÙY TIÊN  | Nữ   | 28/12/1998 | LPS006047 | Bến Tre         | 2   |    | 7.30 | Khá            | K16408CA | Kinh doanh quốc tế |

✓ Tổng cộng: 10



**Nguyễn Tiến Dũng**

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

(Đính kèm theo quyết định số 1211/QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày 25/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

**Ngành tốt nghiệp: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

| STT | MSSV       | Họ và tên       | Phái | Ngày sinh  | SBD       | Nơi sinh   | KV | ĐT | ĐTB  | Xếp loại | Lớp    | Ngành tốt nghiệp   |
|-----|------------|-----------------|------|------------|-----------|------------|----|----|------|----------|--------|--------------------|
| 1   | K164111507 | NGUYỄN THỊ BÌNH | Nữ   | 03/10/1997 | DDS000336 | Quảng Ngãi | 1  | 00 | 7.64 | Khá      | K16411 | Thương mại điện tử |
| 2   | K164111549 | ĐỖ THỊ LINH     | Nữ   | 08/06/1998 | DDF001301 | Kon Tum    | 1  |    | 7.49 | Khá      | K16411 | Thương mại điện tử |

Tổng cộng: 2 *Chữ*



Nguyễn Tiến Dũng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

(Đính kèm theo quyết định số 1211/QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày 25/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

**Ngành tốt nghiệp: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

| STT | MSSV       | Họ và tên              | Phái | Ngày sinh  | SBD        | Nơi sinh        | KV  | ĐT | ĐTB  | Xếp loại       | Lớp     | Ngành tốt nghiệp      |
|-----|------------|------------------------|------|------------|------------|-----------------|-----|----|------|----------------|---------|-----------------------|
| 1   | K124040560 | LÊ THỊ MỸ DUYÊN        | Nữ   | 10/03/1994 | 11533      | Phú Yên         | 2   |    | 7.25 | Khá            | K12404A | Tài chính - Ngân hàng |
| 2   | K134040501 | NGUYỄN THỊ SƠN TUYÊN   | Nữ   | 06/06/1995 | QSKA.03770 | Bình Định       | 2NT |    | 6.72 | Trung bình khá | K13404  | Tài chính - Ngân hàng |
| 3   | K154040315 | PHẠM CHÍ DŨNG          | Nam  | 17/04/1997 | SPK001876  | TP. Hồ Chí Minh | 3   | 00 | 6.97 | Trung bình khá | K15404  | Tài chính - Ngân hàng |
| 4   | K154040365 | NGUYỄN VĂN PHONG       | Nam  | 03/01/1997 | DQN016827  | Bình Định       | 1   |    | 6.66 | Trung bình khá | K15404  | Tài chính - Ngân hàng |
| 5   | K164040430 | HỒ THỊ THU AN          | Nữ   | 05/02/1998 | DDS000018  | Quảng Ngãi      | 2NT | 00 | 7.03 | Khá            | K16404  | Tài chính - Ngân hàng |
| 6   | K164040460 | HOÀNG THỊ MỸ HẠNH      | Nữ   | 23/12/1997 | HUI002954  | Đồng Nai        | 1   |    | 7.03 | Khá            | K16404  | Tài chính - Ngân hàng |
| 7   | K164040517 | LÊ THỊ UYÊN NHI        | Nữ   | 29/12/1998 | XDT005470  | Phú Yên         | 2   |    | 7.27 | Khá            | K16404  | Tài chính - Ngân hàng |
| 8   | K164040587 | TRƯƠNG THỊ XUÂN VY     | Nữ   | 09/07/1998 | SPS018288  | TP. Hồ Chí Minh | 3   | 00 | 7.65 | Khá            | K16404  | Tài chính - Ngân hàng |
| 9   | K164042148 | ĐÀO THỊ MỸ DUNG        | Nữ   | 07/05/1998 | NLS000798  | Gia Lai         | 1   |    | 7.05 | Khá            | K16404  | Tài chính - Ngân hàng |
| 10  | K164042159 | TRẦN THỊ HỒNG HÒA      | Nữ   | 13/04/1998 | HUI003904  | Đồng Nai        | 2   | 00 | 6.80 | Trung bình khá | K16404  | Tài chính - Ngân hàng |
| 11  | K164042164 | MAI VIỆT KHẢI          | Nam  | 12/07/1998 | YCT002446  | Cà Mau          | 1   |    | 6.78 | Trung bình khá | K16404  | Tài chính - Ngân hàng |
| 12  | K164042186 | LÊ THỊ QUỲNH           | Nữ   | 19/01/1998 | HDT014056  | Thanh Hóa       | 2NT |    | 7.00 | Khá            | K16404  | Tài chính - Ngân hàng |
| 13  | K164042659 | NGUYỄN HOÀNG THÀNH ĐẠT | Nam  | 16/08/1998 | DHU01330   | Thừa Thiên Huế  | 2   | 00 | 7.35 | Khá            | K16404  | Tài chính - Ngân hàng |
| 14  | K164040613 | ĐOÀN NGUYỄN ĐĂNG KHOA  | Nam  | 30/07/1998 | VLU002155  | Cần Thơ         | 2NT | 00 | 7.23 | Khá            | K16404C | Tài chính - Ngân hàng |
| 15  | K164040482 | NGÔ THỊ DIỄM KIỀU      | Nữ   | 02/11/1998 | DMS001725  | Đắk Lắk         | 1   |    | 7.05 | Khá            | K16412  | Tài chính - Ngân hàng |
| 16  | K164040493 | PHẠM THỊ THUÝ LINH     | Nữ   | 12/06/1998 | XDT004177  | Phú Yên         | 1   |    | 7.08 | Khá            | K16412  | Tài chính - Ngân hàng |

| STT | MSSV       | Họ và tên              | Phái | Ngày sinh  | SBD       | Nơi sinh   | KV  | ĐT | ĐTB  | Xếp loại       | Lớp    | Ngành tốt nghiệp      |
|-----|------------|------------------------|------|------------|-----------|------------|-----|----|------|----------------|--------|-----------------------|
| 17  | K164040583 | NGUYỄN THỊ THÚY VI     | Nữ   | 29/07/1998 | TSN008167 | Khánh Hoà  | 2NT |    | 7.37 | Khá            | K16412 | Tài chính - Ngân hàng |
| 18  | K164042150 | TRƯƠNG HOÀNG ĐẠT       | Nam  | 13/07/1998 | XDT001503 | Phú Yên    | 2   |    | 7.20 | Khá            | K16412 | Tài chính - Ngân hàng |
| 19  | K164042155 | MAI HUỖNH NGUYỆT HÂN   | Nữ   | 14/02/1998 | GTS000697 | Ninh Thuận | 2NT | 00 | 6.83 | Trung bình khá | K16412 | Tài chính - Ngân hàng |
| 20  | K164042175 | NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC    | Nữ   | 16/10/1998 | TDL005979 | Lâm Đồng   | 1   |    | 7.37 | Khá            | K16412 | Tài chính - Ngân hàng |
| 21  | K164042193 | NGUYỄN THỊ THANH THÚY  | Nữ   | 16/07/1998 | KSA007369 | Bình Phước | 2NT |    | 6.78 | Trung bình khá | K16412 | Tài chính - Ngân hàng |
| 22  | K164042202 | TRƯƠNG THỊ HUYỀN TRINH | Nữ   | 15/04/1998 | DQN011796 | Bình Định  | 2   |    | 7.37 | Khá            | K16412 | Tài chính - Ngân hàng |

Tổng cộng: 22

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG**  
**ĐẠI HỌC**  
**KINH TẾ - LUẬT**  
**NGUYỄN TIẾN DŨNG**





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

(Đính kèm theo quyết định số 1211/QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày 25/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

**Ngành tốt nghiệp: KẾ TOÁN**

| STT | MSSV       | Họ và tên           | Phái | Ngày sinh  | SBD       | Nơi sinh    | KV  | ĐT | ĐTB  | Xếp loại       | Lớp    | Ngành tốt nghiệp |
|-----|------------|---------------------|------|------------|-----------|-------------|-----|----|------|----------------|--------|------------------|
| 1   | K144050657 | NGUYỄN THỊ THU HIỀN | Nữ   | 19/05/1996 | 2490      | Hội An      | 2   |    | 6.98 | Trung bình khá | K14405 | Kế toán          |
| 2   | K144050716 | NGUYỄN NGỌC TÚ      | Nữ   | 04/02/1995 | 2124      | Hồ Chí Minh | 2NT | 00 | 7.10 | Khá            | K14405 | Kế toán          |
| 3   | K144050723 | NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY | Nữ   | 07/05/1996 | 6159      | Đồng Nai    | 2NT |    | 6.89 | Trung bình khá | K14405 | Kế toán          |
| 4   | K154050512 | LÊ THỊ BÍCH THẢO    | Nữ   | 24/11/1997 | DQN020568 | Bình Định   | 2NT | 00 | 7.54 | Khá            | K15405 | Kế toán          |
| 5   | K154050521 | HUỖNH LÊ KIM TRANG  | Nữ   | 28/09/1997 | DQN024492 | Quảng Ngãi  | 2NT |    | 7.23 | Khá            | K15405 | Kế toán          |
| 6   | K154051514 | PHẠM THỊ THỦY       | Nữ   | 02/03/1996 | DB0007    | Bắc Kạn     |     |    | 6.89 | Trung bình khá | K15405 | Kế toán          |
| 7   | K164050694 | TRẦN THỊ BÍCH LOAN  | Nữ   | 01/10/1998 | TDL004922 | Lâm Đồng    | 1   |    | 7.14 | Khá            | K16405 | Kế toán          |
| 8   | K164050704 | KIM THỊ THANH NHI   | Nữ   | 24/03/1998 | DVT002484 | Trà Vinh    | 1   | 01 | 7.91 | Khá            | K16405 | Kế toán          |

ok Tổng cộng: 8

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC  
KINH TẾ - LUẬT  
Nguyễn Tiến Dũng

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

(Đính kèm theo quyết định số 1211/QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày 25/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

**Ngành tốt nghiệp: KIỂM TOÁN**

| STT | MSSV       | Họ và tên           | Phái | Ngày sinh  | SBD                   | Nơi sinh  | KV  | ĐT | ĐTB  | Xếp loại       | Lớp     | Ngành tốt nghiệp |
|-----|------------|---------------------|------|------------|-----------------------|-----------|-----|----|------|----------------|---------|------------------|
| 1   | K144091180 | VÕ TIẾN ĐẠT         | Nam  | 11/06/1996 | 2795                  | Hà Tĩnh   | 2   |    | 6.57 | Trung bình khá | K14409  | Kiểm toán        |
| 2   | K154090892 | TỪ THỊ LIÊN         | Nữ   | 23/05/1997 | QGS009181             | Đồng Nai  | 1   |    | 7.83 | Khá            | K15409  | Kiểm toán        |
| 3   | K154090925 | HUỖNH THỊ ANH THƯ   | Nữ   | 02/12/1997 | DTT014030             | Long An   | 2NT |    | 7.78 | Khá            | K15409  | Kiểm toán        |
| 4   | K154090929 | PHẠM THỊ TRANG      | Nữ   | 20/04/1997 | HDT027081             | Thanh Hóa | 1   |    | 7.17 | Khá            | K15409  | Kiểm toán        |
| 5   | K164091282 | ĐẶNG LAN THANH      | Nữ   | 09/10/1998 | UTXT50<br>(TAG009401) | An Giang  |     |    | 6.69 | Trung bình khá | K16409  | Kiểm toán        |
| 6   | K164091296 | TRẦN THỊ THÙY TRANG | Nữ   | 01/07/1998 | DDK011885             | Quảng Nam | 2   |    | 7.78 | Khá            | K16409  | Kiểm toán        |
| 7   | K154090944 | LÊ KIM DUYÊN        | Nữ   | 20/09/1997 | TAG002325             | An Giang  | 2   |    | 8.14 | Giỏi           | K15409C | Kiểm toán        |
| 8   | K154090974 | TÔ THANH TÚ         | Nam  | 18/03/1996 | SPK014930             | Cà Mau    | 1   |    | 7.28 | Khá            | K15409C | Kiểm toán        |
| 9   | K164091336 | NGUYỄN KHẮC KHIÊM   | Nam  | 12/12/1997 | DQN004227             | Bình Định | 2   | 00 | 6.98 | Trung bình khá | K16409C | Kiểm toán        |

Tổng cộng: 9

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Nguyễn Tiến Dũng**



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

(Đính kèm theo quyết định số 1211/QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày 25/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

**Ngành tốt nghiệp: HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ**

| STT | MSSV       | Họ và tên              | Phái | Ngày sinh  | SBD       | Nơi sinh          | KV  | ĐT | ĐTB  | Xếp loại | Lớp     | Ngành tốt nghiệp           |
|-----|------------|------------------------|------|------------|-----------|-------------------|-----|----|------|----------|---------|----------------------------|
| 1   | K154060592 | NGUYỄN THỊ MINH TUYÊN  | Nữ   | 10/05/1996 | SPS024842 | Bình Thuận        | 2NT |    | 7.58 | Khá      | K15406  | Hệ thống thông tin quản lý |
| 2   | K164060789 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG | Nữ   | 11/09/1998 | DTT001883 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 1   |    | 7.43 | Khá      | K16406  | Hệ thống thông tin quản lý |
| 3   | K164060820 | NGUYỄN VĂN SĨ          | Nam  | 02/04/1996 | QST011324 | Bình Định         | 2NT |    | 7.63 | Khá      | K16406  | Hệ thống thông tin quản lý |
| 4   | K164060845 | NGUYỄN KHIẾU THÀNH HUY | Nam  | 19/04/1998 | TDL003472 | Lâm Đồng          | 1   |    | 7.79 | Khá      | K16406C | Hệ thống thông tin quản lý |
| 5   | K164060852 | BÙI THỊ MAI TRANG      | Nữ   | 27/10/1997 | HUI012091 | Đồng Nai          | 2NT |    | 8.22 | Giỏi     | K16406C | Hệ thống thông tin quản lý |
| 6   | K154111117 | NGUYỄN BÍCH TRÂN       | Nữ   | 12/10/1996 | SGD015611 | TP. Hồ Chí Minh   | 3   | 00 | 7.10 | Khá      | K15411  | Hệ thống thông tin quản lý |

Tổng cộng: 6



Nguyễn Tiến Dũng

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

(Đính kèm theo quyết định số 1211/QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày 25/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

**Ngành tốt nghiệp: LUẬT**

| STT | MSSV       | Họ và tên            | Phái | Ngày sinh  | SBD       | Nơi sinh   | KV  | ĐT | ĐTB  | Xếp loại       | Lớp     | Ngành tốt nghiệp |
|-----|------------|----------------------|------|------------|-----------|------------|-----|----|------|----------------|---------|------------------|
| 1   | K125031986 | PHAN THÙY THUỶ TIÊN  | Nữ   | 02/06/1994 | 10631     | Đồng Nai   | 3   |    | 6.29 | Trung bình khá | K12503  | Luật             |
| 2   | K155031435 | LẠI THỊ ÁI XUÂN      | Nữ   | 07/02/1997 | TAG020026 | Kiên Giang | 2   | 00 | 7.38 | Khá            | K15503  | Luật             |
| 3   | K165031860 | TRƯƠNG KIỀU DIỄM     | Nữ   | 04/11/1996 | DND000950 | Quảng Nam  | 2NT |    | 7.27 | Khá            | K16503  | Luật             |
| 4   | K165031877 | ĐOÀN THỊ THANH HƯƠNG | Nữ   | 20/12/1997 | TCT001867 | Bạc Liêu   | 2   | 00 | 7.47 | Khá            | K16503  | Luật             |
| 5   | K165031895 | PHẠM THÙY BẢO NGUYỄN | Nữ   | 07/07/1998 | TSN004368 | Khánh Hòa  | 2   |    | 7.65 | Khá            | K16503  | Luật             |
| 6   | K165032607 | VÕ MINH TÂM          | Nam  | 01/01/1998 | SPD005975 | Đồng Tháp  | 2   |    | 7.51 | Khá            | K16503  | Luật             |
| 7   | K165032610 | LÊ NHẬT THẮNG        | Nam  | 16/06/1998 | SPD006404 | Đồng Tháp  | 2NT |    | 7.05 | Khá            | K16503  | Luật             |
| 8   | K165032616 | HỒ THỊ MINH THÙY     | Nữ   | 15/09/1998 | SPK008793 | Bình Thuận | 2NT |    | 7.45 | Khá            | K16503  | Luật             |
| 9   | K165031972 | LÊ DƯƠNG BẢO TRÍ     | Nam  | 03/03/1998 | KSA007944 | Bình Phước | 1   | 00 | 6.96 | Trung bình khá | K16503C | Luật             |
| 10  | K165032625 | LÊ THỊ HẰNG          | Nữ   | 20/11/1998 | DDK002769 | Quảng Nam  | 1   |    | 7.13 | Khá            | K16503C | Luật             |
| 11  | K145041913 | HOÀNG YÊN BẢO NHI    | Nữ   | 09/12/1996 | 5320      | Lâm Đồng   | 1   |    | 6.93 | Trung bình khá | K14504  | Luật             |
| 12  | K155041496 | NGUYỄN VŨ TUẤN       | Nam  | 29/07/1997 | QGS021984 | Đồng Nai   | 2   |    | 7.01 | Khá            | K15504  | Luật             |
| 13  | K165042015 | HUỖNH THỊ MỸ         | Nữ   | 16/06/1998 | DQN005933 | Bình Định  | 1   | 00 | 7.65 | Khá            | K16504  | Luật             |
| 14  | K165042036 | VÕ THỊ BÉ THẨM       | Nữ   | 01/07/1997 | DCT005866 | Tây Ninh   | 1   | 00 | 7.16 | Khá            | K16504  | Luật             |
| 15  | K165042038 | ĐỖ THỊ MINH THIÊN    | Nữ   | 15/07/1998 | DDS007025 | Quảng Ngãi | 2NT |    | 7.32 | Khá            | K16504  | Luật             |



| STT | MSSV       | Họ và tên       | Phái | Ngày sinh  | SBD       | Nơi sinh   | KV  | ĐT | ĐTB  | Xếp loại | Lớp    | Ngành tốt nghiệp |
|-----|------------|-----------------|------|------------|-----------|------------|-----|----|------|----------|--------|------------------|
| 16  | K165042644 | NGUYỄN VĂN TIẾN | Nam  | 01/03/1996 | QXS011134 | Tiền Giang | 2NT | 00 | 7.10 | Khá      | K16504 | Luật             |

đ Tổng cộng: 16

HIỆU TRƯỞNG  
  
 Nguyễn Tiến Dũng

PHÒNG CHỈ MẠC

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

(Đính kèm theo quyết định số 1211/QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày 25/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

**Ngành tốt nghiệp: LUẬT KINH TẾ**

| STT | MSSV       | Họ và tên            | Phái | Ngày sinh  | SBD        | Nơi sinh          | KV  | ĐT | ĐTB  | Xếp loại       | Lớp     | Ngành tốt nghiệp |
|-----|------------|----------------------|------|------------|------------|-------------------|-----|----|------|----------------|---------|------------------|
| 1   | K135011175 | ĐẶNG NGUYỄN KHẮC DUY | Nam  | 08/09/1995 | QSKA.00348 | Khánh Hoà         | 2NT |    | 7.40 | Khá            | K13501  | Luật Kinh tế     |
| 2   | K144081127 | TRẦN THỊ MAI THÚY    | Nữ   | 26/08/1996 | 6731       | Nghệ An           | 2NT | 00 | 7.36 | Khá            | K14408  | Luật Kinh tế     |
| 3   | K155011162 | TRẦN THỊ NGỌC LY     | Nữ   | 17/12/1996 | DHU012590  | Thừa Thiên Huế    | 2   | 00 | 7.03 | Khá            | K15501  | Luật Kinh tế     |
| 4   | K155011188 | NGUYỄN THỊ THẢO      | Nữ   | 29/07/1997 | THP013427  | Hải Dương         | 2NT |    | 7.33 | Khá            | K15501  | Luật Kinh tế     |
| 5   | K165010711 | MAI THỊ THU NƯỞNG    | Nữ   | 10/10/1998 | DDS005311  | Quảng Ngãi        | 1   | 00 | 7.55 | Khá            | K16501  | Luật Kinh tế     |
| 6   | K165011592 | TRẦN THỊ VÂN ANH     | Nữ   | 13/01/1998 | SPS000689  | Tp. Hồ Chí Minh   | 3   |    | 7.52 | Khá            | K16501  | Luật Kinh tế     |
| 7   | K165011653 | NGUYỄN THỊ KIM OANH  | Nữ   | 05/08/1997 | DB000009   | Đắk Lắk           |     | 00 | 7.29 | Khá            | K16501  | Luật Kinh tế     |
| 8   | K165011664 | NGUYỄN HỒNG THUYỀN   | Nam  | 19/01/1998 | TDV018017  | Nghệ An           | 2NT | 00 | 7.37 | Khá            | K16501  | Luật Kinh tế     |
| 9   | K165011675 | ĐỖ ANH TÚ            | Nam  | 07/07/1998 | DTT009788  | Bà Rịa - Vũng Tàu | 1   |    | 6.99 | Trung bình khá | K16501  | Luật Kinh tế     |
| 10  | K165012471 | LÊ ĐÌNH GIÁNG HƯƠNG  | Nữ   | 08/10/1998 | TKG002065  | Kiên Giang        | 2   |    | 7.06 | Khá            | K16501  | Luật Kinh tế     |
| 11  | K165012480 | NGUYỄN THÁI SƠN      | Nam  | 13/09/1998 | DMS003117  | Đắk Lắk           | 1   |    | 7.43 | Khá            | K16501  | Luật Kinh tế     |
| 12  | K165012482 | BÙI THỊ HỒNG THẨM    | Nữ   | 09/12/1998 | TSN006123  | Khánh Hòa         | 2   |    | 6.89 | Trung bình khá | K16501  | Luật Kinh tế     |
| 13  | K165011716 | NGUYỄN THỊ YẾN       | Nữ   | 03/01/1998 | HDT020214  | Thanh Hóa         | 2NT |    | 7.49 | Khá            | K16501C | Luật Kinh tế     |
| 14  | K165012508 | TRƯƠNG NGỌC TRƯỜNG   | Nam  | 22/05/1998 | QSB013779  | TP. Hồ Chí Minh   | 3   |    | 7.01 | Khá            | K16501C | Luật Kinh tế     |
| 15  | K125021823 | NGUYỄN THỊ NHÀN      | Nữ   | 20/02/1994 | 04823      | Bình Định         |     |    | 7.62 | Khá            | K12502  | Luật Kinh tế     |
| 16  | K125021861 | LÊ THỊ THU TRANG     | Nữ   | 30/09/1994 | 10784      | Tiền Giang        |     |    | 7.60 | Khá            | K12502  | Luật Kinh tế     |



| STT | MSSV       | Họ và tên         | Phái | Ngày sinh  | SBD       | Nơi sinh          | KV  | ĐT | ĐTB  | Xếp loại       | Lớp     | Ngành tốt nghiệp |
|-----|------------|-------------------|------|------------|-----------|-------------------|-----|----|------|----------------|---------|------------------|
| 17  | K165021727 | LÊ HỒNG DANH      | Nam  | 01/03/1998 | DHK000678 | Quảng Trị         | 2   | 06 | 7.43 | Khá            | K16502  | Luật Kinh tế     |
| 18  | K165021744 | LÊ TRUNG KIÊN     | Nam  | 25/07/1998 | KSA003356 | Bình Phước        | 1   | 00 | 6.88 | Trung bình khá | K16502  | Luật Kinh tế     |
| 19  | K165021790 | LÊ THỊ THU THƯƠNG | Nữ   | 28/02/1998 | DDS007627 | Quảng Ngãi        | 2NT | 00 | 7.75 | Khá            | K16502  | Luật Kinh tế     |
| 20  | K165021802 | LÝ QUANG VẬN      | Nam  | 29/03/1996 | TTN016021 | Quảng Ngãi        | 1   |    | 7.65 | Khá            | K16502  | Luật Kinh tế     |
| 21  | K165022544 | HOÀNG THỊ THẨM    | Nữ   | 12/06/1998 | TTN012638 | Quảng Bình        | 1   |    | 7.47 | Khá            | K16502  | Luật Kinh tế     |
| 22  | K175021456 | VÕ KHẮC DUY       | Nam  | 21/12/1999 | 52002083  | Bà Rịa - Vũng Tàu | 2   | 00 | 6.84 | Trung bình khá | K17502  | Luật Kinh tế     |
| 23  | K165021837 | THÁI THÙY NGÂN    | Nữ   | 05/11/1998 | QSK004318 | TP. Hồ Chí Minh   | 2   |    | 7.79 | Khá            | K16502C | Luật Kinh tế     |

2/ Tổng cộng: 23 *Gf*



**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Tiến Dũng**

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

(Đính kèm theo quyết định số 1211/QĐ-ĐHKTL-ĐT ngày 25/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật)

**Ngành tốt nghiệp: LUẬT KINH TẾ**

| STT | MSSV       | Họ và tên            | Phái | Ngày sinh  | SBD        | Nơi sinh          | KV  | ĐT | ĐTB  | Xếp loại       | Lớp     | Ngành tốt nghiệp |
|-----|------------|----------------------|------|------------|------------|-------------------|-----|----|------|----------------|---------|------------------|
| 1   | K135011175 | ĐẶNG NGUYỄN KHẮC DUY | Nam  | 08/09/1995 | QSKA.00348 | Khánh Hoà         | 2NT |    | 7.40 | Khá            | K13501  | Luật Kinh tế     |
| 2   | K144081127 | TRẦN THỊ MAI THÚY    | Nữ   | 26/08/1996 | 6731       | Nghệ An           | 2NT | 00 | 7.36 | Khá            | K14408  | Luật Kinh tế     |
| 3   | K155011162 | TRẦN THỊ NGỌC LY     | Nữ   | 17/12/1996 | DHU012590  | Thừa Thiên Huế    | 2   | 00 | 7.03 | Khá            | K15501  | Luật Kinh tế     |
| 4   | K155011188 | NGUYỄN THỊ THẢO      | Nữ   | 29/07/1997 | THP013427  | Hải Dương         | 2NT |    | 7.33 | Khá            | K15501  | Luật Kinh tế     |
| 5   | K165010711 | MAI THỊ THU NƯƠNG    | Nữ   | 10/10/1998 | DDS005311  | Quảng Ngãi        | 1   | 00 | 7.55 | Khá            | K16501  | Luật Kinh tế     |
| 6   | K165011592 | TRẦN THỊ VÂN ANH     | Nữ   | 13/01/1998 | SPS000689  | Tp. Hồ Chí Minh   | 3   |    | 7.52 | Khá            | K16501  | Luật Kinh tế     |
| 7   | K165011653 | NGUYỄN THỊ KIM OANH  | Nữ   | 05/08/1997 | DB000009   | Đắk Lắk           |     | 00 | 7.29 | Khá            | K16501  | Luật Kinh tế     |
| 8   | K165011664 | NGUYỄN HỒNG THUYỀN   | Nam  | 19/01/1998 | TDV018017  | Nghệ An           | 2NT | 00 | 7.37 | Khá            | K16501  | Luật Kinh tế     |
| 9   | K165011675 | ĐỖ ANH TÚ            | Nam  | 07/07/1998 | DTT009788  | Bà Rịa - Vũng Tàu | 1   |    | 6.99 | Trung bình khá | K16501  | Luật Kinh tế     |
| 10  | K165012471 | LÊ ĐÌNH GIÁNG HƯƠNG  | Nữ   | 08/10/1998 | TKG002065  | Kiên Giang        | 2   |    | 7.06 | Khá            | K16501  | Luật Kinh tế     |
| 11  | K165012480 | NGUYỄN THÁI SƠN      | Nam  | 13/09/1998 | DMS003117  | Đắk Lắk           | 1   |    | 7.43 | Khá            | K16501  | Luật Kinh tế     |
| 12  | K165012482 | BÙI THỊ HỒNG THẨM    | Nữ   | 09/12/1998 | TSN006123  | Khánh Hòa         | 2   |    | 6.89 | Trung bình khá | K16501  | Luật Kinh tế     |
| 13  | K165011716 | NGUYỄN THỊ YẾN       | Nữ   | 03/01/1998 | HDT020214  | Thanh Hóa         | 2NT |    | 7.49 | Khá            | K16501C | Luật Kinh tế     |
| 14  | K165012508 | TRƯƠNG NGỌC TRƯỜNG   | Nam  | 22/05/1998 | QSB013779  | TP. Hồ Chí Minh   | 3   |    | 7.01 | Khá            | K16501C | Luật Kinh tế     |
| 15  | K125021823 | NGUYỄN THỊ NHÂN      | Nữ   | 20/02/1994 | 04823      | Bình Định         |     |    | 7.62 | Khá            | K12502  | Luật Kinh tế     |



| STT | MSSV       | Họ và tên  |        | Phái | Ngày sinh  | SBD       | Nơi sinh        | KV  | ĐT | ĐTB  | Xếp loại       | Lớp     | Ngành tốt nghiệp |
|-----|------------|------------|--------|------|------------|-----------|-----------------|-----|----|------|----------------|---------|------------------|
| 16  | K125021861 | LÊ THỊ THU | TRANG  | Nữ   | 30/09/1994 | 10784     | Tiền Giang      |     |    | 7.60 | Khá            | K12502  | Luật Kinh tế     |
| 17  | K165021727 | LÊ HỒNG    | DANH   | Nam  | 01/03/1998 | DHK000678 | Quảng Trị       | 2   | 06 | 7.43 | Khá            | K16502  | Luật Kinh tế     |
| 18  | K165021744 | LÊ TRUNG   | KIÊN   | Nam  | 25/07/1998 | KSA003356 | Bình Phước      | 1   | 00 | 6.88 | Trung bình khá | K16502  | Luật Kinh tế     |
| 19  | K165021790 | LÊ THỊ THU | THƯƠNG | Nữ   | 28/02/1998 | DDS007627 | Quảng Ngãi      | 2NT | 00 | 7.75 | Khá            | K16502  | Luật Kinh tế     |
| 20  | K165021802 | LÝ QUANG   | VẬN    | Nam  | 29/03/1996 | TTN016021 | Quảng Ngãi      | 1   |    | 7.65 | Khá            | K16502  | Luật Kinh tế     |
| 21  | K165022544 | HOÀNG THỊ  | THẨM   | Nữ   | 12/06/1998 | TTN012638 | Quảng Bình      | 1   |    | 7.47 | Khá            | K16502  | Luật Kinh tế     |
| 22  | K165021837 | THÁI THÙY  | NGÂN   | Nữ   | 05/11/1998 | QSK004318 | TP. Hồ Chí Minh | 2   |    | 7.79 | Khá            | K16502C | Luật Kinh tế     |
| 23  | K125042059 | KSOR       | H'WON  | Nữ   | 27/02/1993 | 01358     | Gia Lai         |     |    | 6.42 | Trung bình khá | K12504  | Luật Kinh tế     |

Tổng cộng: 23



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Dũng